

Bản án số: 213 /2019/HC-PT

Ngày: 05 - 11 -2019

*V/v "Tranh chấp chia di sản thừa kế và
giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tôn

Các Thẩm phán:

Ông Mai Xuân Thành

Ông Lê Tự

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà Bùi Thị Dung, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 236 /2019/TLPT-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 về: "Tranh chấp chia di sản thừa kế và Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" do Bản án số: 10/2019/DS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1276 /2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Lê Hồng H, sinh năm 1957; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Lê Hồng H: Luật sư Ngô Minh T – Luật sư Văn phòng Luật sư số 1, Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

3. Bà Lê Thị Kim C, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Thôn Q, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

4. Bà Lê Thị V, sinh năm 1966; Nơi cư trú: TP T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn S, sinh năm 1952; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân huyện P, vắng mặt

2. Ủy ban nhân dân xã H, P. có ông Nguyễn Trường T Chức vụ , Chủ tịch UBND xã UBND H.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Trường T – Chức vụ: Chủ tịch. Có đơn xin vắng mặt.

3. Bà Lê Thị T, sinh năm 1957 chết ngày 19/01/2008; Nơi cư trú cuối cùng trước khi chết: xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có các con gồm:

3.1 Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1978; Nơi cư trú: TP T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

3.2 Nguyễn Tấn T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

3.3 Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1981; Nơi cư trú: thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

3.4 Nguyễn Thị T1, sinh năm 1988; Nơi cư trú: tỉnh Phú Yên; Vắng mặt.

3.5 Nguyễn Văn T2, sinh năm 1989; Địa chỉ: TP Hồ Chí Minh. Ủy quyền cho ông Lê Hồng H, sinh năm: 1957; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1954. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; Ủy quyền cho ông Lê Văn S. Có mặt

5. Bà Lê Thị N, sinh năm 1976. Nơi cư trú: huyện P, Phú Yên. Có mặt.

6. Lê Thị V1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Ủy quyền cho ông Lê Văn S. Có mặt.

7. Ông Lê Văn P, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên; có mặt

8. Bà Lê Thị V2, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn Thạnh phú tây, xã Hòa Mỹ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

9. Vợ chồng ông Lê Văn N, sinh năm 1965, bà Phan Thị L2, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Điều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/04/2018, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, các đồng nguyên đơn ông Lê Hồng H, Lê Hồng Q, Lê Thị Kim C, Lê Thị V thống nhất trình bày:

Nguyên cha mẹ chúng tôi là ông Lê Văn T3 (chết 1968), bà Nguyễn Thị K (chết ngày 29/09/2009), sinh được 06 người con gồm: Lê Văn S; Lê Hồng H; Lê Thị T (chết năm 2008) có 05 người con Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Tấn T,

Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị T1 và Nguyễn Văn T2; Lê Hồng Q; Lê Thị Kim C; Lê Thị V. Cha mẹ chết không để lại di chúc, trong quá trình sống chung tạo lập được một số tài sản gồm: Ngôi nhà thờ gắn liền quyền sử dụng đất ở và một số diện tích đất vườn tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Lúc còn sống bà Nguyễn Thị K đã phân chia đất cho các con trai như sau: ông Lê Văn S một phần diện tích 300m²; ông Lê Hồng H một phần diện tích 200m²; Ông Lê Hồng Q một phần diện tích 200m²; Còn lại diện tích: 315m² thuộc thửa số 637, tờ bản đồ 278D, đất HNK chưa phân chia cho ai.

Năm 1996, ông Lê Văn S tự ý kê khai diện tích chưa chia 315m² và được nhà nước cân đối theo Nghị định 64/NĐ-CP và được UBND thị xã T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 623720 ngày 20/12/1996. Sau đó ông S tiếp tục làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất 315m² HNK thành đất ở nông thôn, theo Quyết định số: 2393/QĐ-UBND ngày 20/07/2016 của UBND huyện P. Ngày 29/11/2017 diện tích đất này được tách thành 02 thửa: thửa 1169 và thửa 1170 và được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI056657, CI056656 mà không có sự thống nhất của các anh chị em trong gia đình chúng tôi. Do đó chúng tôi yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI056657 và CI056656 do UBND huyện P cấp ngày 29/11/2017; chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất thửa 1169 là 163m² và diện tích đất thửa 1170 là 152m²; Riêng nhà thờ gắn liền quyền sử dụng đất hiện ông Lê Văn S đang ở giao cho ông S sở hữu chúng tôi không tranh chấp.

Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn S trình bày: Sau năm 1975, ông là con trai lớn trong gia đình nên được ở nhà thờ lớn và đứng tên kê khai toàn bộ diện tích đất, thực hiện nghĩa vụ cho Nhà nước. Năm 1994, nhà nước thực hiện Nghị định 64/NĐ – CP giao đất cho nông dân sử dụng, đất HNK và đất lúa nước được quy đổi 3 khô 1 nước, đối với thửa đất vườn 315m² được UBND thị xã (nay là thành phố) T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 623720, vào sổ số: 02669/QSDĐ ngày 20/12/1996 cho hộ gia đình ông gồm 06 nhân khẩu và canh tác liên tục từ đó đến nay. Năm 2015, nhà nước có chính sách chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất thổ cư, nên gia đình ông đăng ký với cơ quan có thẩm quyền xin được chuyển mục đích sử dụng đất và được chấp nhận. Năm 2017, ông xin tách thửa đất trên thành hai thửa và chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông Lê Văn N, bà Phan Thị L2 163m² với giá 230.000.000 đồng để xây dựng lại nhà thờ mới giáp mặt tiền đường liên thôn để thờ cúng ông bà. Do đó ông không chấp nhận yêu cầu của các đồng nguyên đơn.

Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Lê Văn N, bà Phan Thị L2 trình bày: Xuất phát từ quan hệ họ hàng, nên năm 2017 vợ chồng tôi có mua của ông Lê Văn S một thửa đất

diện tích 163m², số 1169, tờ bản đồ 13, tọa lạc tại thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên với giá 230.000.000 đồng. Tại thời điểm đó, vợ chồng tôi có nghe ông S nói là vợ chồng ông Lê Hồng H không muốn mua thửa đất này nữa, nên chúng tôi cho rằng đất không tranh chấp và có đầy đủ giấy tờ nên quyết định mua. Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông Lê Hồng H cũng không tranh chấp, đến khi ông S chở gạch về định xây nhà thì bên ông H cản trở, thủ tục chuyển nhượng giữa bên tôi và ông S đã hoàn thành nên chúng tôi không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L1, bà Lê Thị N, bà Lê Thị V1, ông Lê Văn P, bà Lê Thị V2 đều trình bày như bị đơn ông Lê Văn S.

Bà Nguyễn Thị Kim D, ông Nguyễn Tấn T, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị T1 ủy quyền cho bà Lê Thị Kim C trình bày như nguyên đơn; ông Nguyễn Văn T2 ủy quyền cho ông Lê Hồng H đều yêu cầu như nguyên đơn.

UBND huyện P trình bày: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có mã số G 623720 do UBND thị xã T cấp ngày 20/12/1996 cho ông Lê Hồng Sơn (sau đó điều chỉnh thành Lê Văn S) với tổng diện tích 3.696m², tọa lạc tại xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Ngày 16/11/2017 ông Lê Văn S đề nghị tách thửa đất số 637, tờ bản đồ 278-D, diện tích 315m², loại đất ở tại nông thôn (Đã được chuyển mục đích từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở tại nông thôn) thành 02 thửa gồm: thửa 1169 diện tích 163m², tờ 13 (đo đạc 2016), được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 056656 ngày 29/11/2017; Thửa số 1170, diện tích 152m², tờ 13 (đo đạc 2016), được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 056657 ngày 29/11/2017. Việc tách thành hai thửa nói trên là đúng quy định tại khoản 1, Điều 75 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 1, Điều 8, Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của UBND tỉnh Phú Yên.

UBND xã H trình bày: Nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp 315m² có nguồn gốc từ ông bà, cha mẹ của ông Lê Văn S để lại. Tại thời điểm nhà nước cân đối đất cho hộ ông Lê Văn S theo Nghị định 64/NĐ-CP thì ông S là người đứng ra kê khai và thực hiện nghĩa vụ với nhà nước đối với diện tích đất này. Theo nghị định 64/NĐ-CP thì hộ ông Lê Văn S được cân đối diện tích 3.696m² (có 315m² đang tranh chấp) cho 06 nhân khẩu gồm: Lê Văn S, Nguyễn Thị L1, Lê Thị N, Lê Thị V1, Lê Văn P, Lê Thị V2, còn hộ bà Nguyễn Thị K (mẹ của nguyên đơn và bị đơn), hộ ông Lê Hồng H, hộ ông Lê Hồng Q cũng được Nhà nước cân đối đất riêng theo Nghị định 64/NĐ-CP.

Với nội dung như trên Tại bản án số: 10/2019/DS-ST Ngày: 11/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Áp dụng các Điều 8, 163, 237, 649, 650 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100 Luật đất đai 2013; Điều 147, 156, 164 BLTTDS năm 2015; Điều 26, Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hồng H, ông Lê Hồng Q, bà Lê Thị Kim C, bà Lê Thị V theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2018, về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI056656, thửa 1169 diện tích 163m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI056657, thửa 1170 diện tích 152m² do UBND huyện P cấp cùng ngày 29/11/2017 đứng tên ông Lê Văn S. Công nhận diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Hộ gia đình ông Lê Văn S theo hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như trên (kèm theo sơ đồ hiện trạng và biên bản định giá do Hội đồng định giá TAND tỉnh Phú Yên lập ngày 04/9/2018).

Đồng nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Văn S, kể cả việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Lê Văn S và vợ chồng bà Phan Thị L2, ông Lê Văn N.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, các chi phí khác và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xử sơ thẩm ngày 05 tháng 9 năm 2019 Lê Hồng H cùng các đồng nguyên đơn kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm. Ngày 14/8/2019 các nguyên đơn kháng cáo bổ sung có cùng nội dung.

Tại phiên tòa Lê Hồng H, ông Lê Hồng Q, bà Lê Thị Kim C, bà Lê Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn khởi kiện, bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ nguyên lời trình bày.

Luật sư của nguyên đơn cho rằng, đất có nguồn gốc từ ông bà, cha mẹ để lại chưa chia nên nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật là có căn cứ.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng có ý kiến như sau :

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật và hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Văn S, đề nghị HĐXX bác đơn kháng cáo, giữ nguyên bản án

sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Lê Hồng H, ông Lê Hồng Q, bà Lê Thị Kim C, bà Lê Thị V khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện P cấp cho ông Lê Văn S và tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, hủy hợp đồng thi công xây dựng, hủy chính lý biến động quyền sử dụng đất, bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng” theo Điều 34, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: UBND huyện P, tỉnh Phú Yên có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227, 228 BLTTDS năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia thừa kế theo pháp luật:

Hai cụ Lê Văn T3 (chết năm 1968) và Nguyễn Thị K (chết ngày 29/9/2009) sống chung với nhau có 06 người con: Lê Văn S; Lê Hồng H; Lê Thị T (chết 2008) (có 05 người con: Nguyễn Thị Kim D, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Thị Mỹ L, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Văn T2); Lê Hồng Q, Lê Thị Kim C, Lê Thị V. Hai cụ chết không để lại di chúc, khi còn sống bà Nguyễn Thị K đã phân chia tài sản cho các con ông Lê Văn S 300m² đất và nhà thờ, ông Lê Hồng H 200m² đất, ông Lê Hồng Q 200m² đất và được nhà nước cân đối theo Nghị định 64/NĐ-CP. Đối với nhà thờ hiện ông Lê Văn S đang ở và thờ cúng, nguyên đơn và những người liên quan không tranh chấp, mà đồng ý giao cho ông S được quyền sở hữu và có trách nhiệm thờ cúng ông bà nên HĐXX không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của các đương sự thì thấy:

Theo biên bản xác minh ngày 22/4/2019 do UBND xã H cung cấp thì hộ ông Lê Văn S được cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/NĐ-CP. Ông S là người đứng tên kê khai và trực tiếp sử dụng đất với diện tích là 3.696m² cho 06 nhân khẩu gồm: Lê Văn S, Nguyễn Thị L1, Lê Thị N, Lê Thị V1, Lê Văn P, Lê Thị V2 bao gồm cả diện tích 315m² đang tranh chấp.

Đối với bà Nguyễn Thị K mẹ ông S, tại thời điểm cân đối Nghị định 64/CP thì được cân đối riêng, thể hiện tại biên bản xác minh cùng ngày 22/4/2019, kể cả hộ ông Lê Hồng H và hộ ông Lê Hồng Q cũng được nhà nước cân đối cấp riêng theo nghị định 64/CP. Do đó phần đất tranh chấp đã được nhà nước thực hiện chính sách đất đai cân đối giao cho hộ của ông Lê Văn S không phải là di sản của cụ Toán và cụ Kiềm.

[4] Việc ông Lê Văn S tách thửa đất số 637, tờ bản đồ 278-D, diện tích 315m², loại đất ở tại nông thôn và chuyển mục đích từ đất trồng cây hàng năm khác sang đất ở tại nông thôn và xin tách thành 02 thửa; thửa 1169 diện tích 163m², tờ 13 (đo đạc 2016) được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 056656 và thửa 1170, diện tích 152m², tờ 13 (đo đạc 2016) được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 056657 cùng ngày 29/11/2017. Năm 2017, ông Lê Văn S chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa 1169 diện tích 163m², thuộc tờ 13 (đo đạc 2016) cho vợ chồng ông Lê Văn N; còn thửa 1170, diện tích 152m², thuộc tờ 13 (đo đạc 2016) do ông S đang trực tiếp sử dụng đất là đúng pháp luật. Do vậy, cấp sơ thẩm đã đánh giá khách quan toàn diện nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và những người có nghĩa vụ liên quan,

[5] Đối với kháng cáo hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thấy:

Diện tích 315m² đang tranh chấp được cân đối cấp cho hộ gia đình ông Lê Văn S theo Nghị định 64/NĐ-CP gồm 06 nhân khẩu, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy trình theo quy định của pháp luật, cũng như việc tách thửa, chuyển mục đích sử dụng đất là đúng quy định tại khoản 1, Điều 75 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 1, Điều 8, Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 06/11/2014 của UBND tỉnh Phú Yên, nên việc chuyển nhượng định đoạt tài sản riêng của ông S là quyền dân sự cá nhân không ai được quyền ngăn cản. Xét thấy, Tòa cấp sơ thẩm bác yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và yêu hủy 02 (hai) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI056656, thửa 1169 diện tích 163m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI056657, thửa 1170 diện tích 152m² do UBND huyện P cấp cùng ngày 29/11/2017 đứng tên ông Lê Văn S là có căn cứ. Vì vậy; không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các đương sự như đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa hôm nay.

[6] *Về án phí:* Người kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật dân sự 2015 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hồng H, ông Lê Hồng Q, bà Lê Thị Kim C và bà Lê Thị V. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2019/DS-ST ngày 11/7/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Tuyên xử:

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hồng H, ông Lê Hồng Q, bà Lê Thị Kim C, bà Lê Thị V theo đơn khởi kiện ngày 09/4/2018, về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và yêu cầu hủy hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI056656, thửa 1169 diện tích 163m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI056657, thửa 1170 diện tích 152m² do UBND huyện P cấp cùng ngày

29/11/2017 đứng tên ông Lê Văn S. Công nhận diện tích đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Hộ gia đình ông Lê Văn S theo hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như trên (kèm theo sơ đồ hiện trạng và biên bản định giá do Hội đồng định giá TAND tỉnh Phú Yên lập ngày 04/9/2018).

Đồng nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất của hộ ông Lê Văn S, kể cả việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Lê Văn S và vợ chồng bà Phan Thị L2, ông Lê Văn N.

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Hồng H, ông Lê Hồng Q, bà Lê Thị Kim C, bà Lê Thị V mỗi người phải chịu 300.000 đồng, Đã nộp đủ ở biên lai thu tiền số 0013141, 0013139, 0013138, 0013140 ngày 01 tháng 8 năm 2019 tại Cục THA dân sự tỉnh Phú Yên.

4. Các Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tồn